UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO
Tháng 6,7,8,9 năm 2026

STT	Họ và tên chủ hộ	Thôn/khu dân cư	số nhân khẩu	Mức hỗ trợ (đ/tháng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng Số tiền hỗ trợ (đồng)	Thông tin người nhận tiền			Ghi chú
							Họ và tên	Số tài khoản	Tên ngân hàng	
A	B	1	2	3,000	4	5=3*4	6	7	8	9
1	Nguyễn Thị Tách	Thôn Đông	1	64.300	4	257.200	Nguyễn Thị Vui	###########	Agribank	
2	Vũ Thị Nguyện	Thôn La Xá	3	64.300	4	257.200	Vũ Đình Ấn	4603434133	BIDV	
3	Nguyễn Thị Khoảng	Thôn Đào Lâm	1	64.300	4	257.200	Trương Văn Tường	2305215023235	Agribank	
4	Trương Thị Nhũ	Thôn Đào Lâm	1	64.300	4	257.200	Trương Văn Hiệu	9924014999	Vietcombank	
5	Hoàng Thị Xuân	Thôn Đào Lâm	2	64.300	4	257.200	Phạm Văn Dụng	1017719928	Vietcombank	
6	Nguyễn Thị Nhài	Thôn Phạm Lâm	1	64.300	4	257.200	Đào Văn Vinh	1037002637	Vietcombank	
7	Nguyễn Văn Thắng	Thôn Phạm Lâm	3	64.300	4	257.200	Đào Thị Quỳnh Ngọc	0977975502	MB	
8	Phạm Văn Diệp	Thôn Thúy Lâm	3	64.300	4	257.200	Nguyễn Văn Quang	108873140638	Viettin bank	
9	Đào Thị Lan	Thôn Tùng Lâm	1	64.300	4	257.200	Nguyễn Xuân Hòa	4681466181	BIDV	
10	Nguyễn Thị Bản	Thôn Đồ Thương	4	64.300	4	257.200	Phạm Ngọc Lan	2305215057549	Agribank	
11	Nguyễn Thị Nhạt	Thôn Đồ Thương	1	64.300	4	257.200	Nguyễn Thị Lan	2305469052228	Agribank	
12	Trần Thị Lẩn	Thôn Đồ Thương	1	64.300	4	257.200	Trần văn Long	2305205158664	Agribank	

STT	Họ và tên chủ hộ	Thôn/khu dân cư	số nhân khẩu	Mức hỗ trợ (đ/tháng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng Số tiền hỗ trợ (đồng)	Thông tin người nhận tiền			Ghi chú
							Họ và tên	Số tài khoản	Tên ngân hàng	
13	Nguyễn Thị Mến	Thôn Đỗ Hạ	1	64.300	4	257.200	Nguyễn Văn Tuấn	2305211420736	Agribank	
14	Nguyễn Thị Cần	Thôn Đạo Lâm	1	64.300	4	257.200	Nguyễn Văn Thanh	2305205378498	Agribank	
15	Vũ Thị Đông	Thôn Đan Loan	1	64.300	4	257.200	Vũ Thế Trương	2309205368390	Agribank	
16	Vũ Thị Minh	Thôn Hòa Loan	2	64.300	4	257.200	Nguyễn Thị Định	8881431967	BIDV	
17	Vũ Thị Minh	Thôn Bùi Xá	1	64.300	4	257.200	Vũ Thị Minh	8881431893	BIDV	
18	Nguyễn Thị Tự	Thôn Bùi Xá	1	64.300	4	257.200	Nguyễn Văn Thuyên	8891561132	BIDV	
19	Vũ Thị Quy	Thôn Dương Xá	1	64.300	4	257.200	Đỗ Thị Doan	4603554305	BIDV	
20	Vũ Thị Toàn	Thôn Dương Xá	1	64.300	4	257.200	Bùi Thị Hà Ánh	46810001824840	BIDV	
	Cộng		**31**	**1.286.000**	**80**	**5.144.000**				

Tổng số tiền: 5.144.000 đồng. Viết bằng chữ: ***Năm triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng.***

Xã Nguyễn Lương Bằng, ngày 11 tháng 9 năm 2026.

NGƯỜI LẬP

Trương Thị Quý

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM * X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG - TP. HẢI PHÒNG * PHÒNG KINH TẾ

Phùng Vũ Trung